

Bản án số: 80/2025/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngân

Bà Huỳnh Thị Thê Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 828/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 07, ấp H, xã B, tỉnh An Giang.

Số CCCD 082181XXXXXX

1.2. Bà Trần Thị L1 (tên thường gọi Út Đ), sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 02, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số CCCD 089163XXXXXX, cấp ngày 02/7/2021

1.3. Bà Trần Thị Thanh T (thường gọi Út K), sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 04, ấp T, xã B, tỉnh An Giang.

Số CCCD 089169XXXXXX, cấp ngày 12/6/2022

1.4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 04, ấp T, xã B, tỉnh An Giang.

Số CCCD 089169XXXXXX;

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ 06, ấp H, xã B, tỉnh An Giang.

Số CCCD

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các biên bản hòa giải đối chất nguyên đơn trình bày:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị L1 trình bày ý kiến và yêu cầu:

Bà với bà L2 không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết do cùng xóm. Bà có tham gia chơi hội do bà L2 làm chủ hội, bà chơi hội được khoảng 02 năm. Bà L2 là người địa phương có làm nghề góp chợ, có tài sản nên bà tin tưởng mà tham gia chơi hội. Cụ thể các dây hội như sau:

- Dây hội 1: hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 28/07/2022 ãl, bà tham gia 02 phần với tên “Út Đ” (Út Đ là gọi tên chồng bà), tại vị trí số 06 và số 07 trong số hội (tên thường gọi là Út Đ). Quá trình tham gia chơi hội, bà bỏ hội và hốt được 01 phần và đã nhận tiền hội đầy đủ và được số tiền sau khi khấu trừ huê hồng còn là 22.500.000 đồng, sau đó bà đã châu hội chết đầy đủ. Phần hội còn sống đến lần thứ 23 thì ngày 28/6/2024 ãl, bà L2 tuyên bố vỡ hội không tiếp tục khai cho đến nay. Dây hội trên chưa mãn hội còn 01 thành viên. Tổng số lần bà đã châu hội là 23 lần, không nhớ rõ tổng số tiền hội vốn đã châu nhưng theo thỏa thuận tại dây hội thì tổng tiền hội vốn và tiền lãi sau khi trừ tiền huê hồng mà bà L2 còn nợ là 22.500.000 đồng. Chơi chung dây hội còn có chị Mai Thị Cẩm N, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

- Dây hội thứ 2: hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 30/08/2022 ãl (nhằm ngày 25/9/2024 dl), bà tham gia 01 phần với tên “Út Đ” vị trí số 4 trong số hội. Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần thứ 22 thì ngày 30/5/2024 ãl bà L2 tuyên bố vỡ hội không tiếp tục khai cho đến nay. Dây hội trên chưa mãn hội còn 02 thành viên. Bà đã châu hội được 22 lần, tổng số tiền hội vốn đã châu không nhớ, nhưng theo thỏa thuận của dây hội thì số tiền hội vốn và lãi bà L2 còn nợ bà là 44.000.000 đồng; sau khi trừ huê hồng là 43.000.000 đồng. Chơi chung dây hội còn có chị Huỳnh Thị T (tên trong sổ hội là Đ), nhà tại tổ 01, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Như vậy, tổng số tiền hội mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ bà là 65.500.000 (22.500.000 đồng + 43.000.000 đồng). Nay yêu bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội còn nợ là 65.500.000 đồng. Không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L1 và bà L2 thống nhất và đồng ý số tiền hội còn là 50.000.000 đồng và bà L2 đồng ý trả.

2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày ý kiến và yêu cầu :

Bà P và bà L2 không có quan hệ họ hàng gì, chỉ quen biết cùng xóm. Bà có tham gia chơi hội do Lê làm chủ hội khoảng 02 năm, do bà L2 làm góp chợ, có tài sản, và trước đó bà đã tham gia hội của bà L2 làm chủ và hốt xong nên càng tin tưởng. Cụ thể là các dây hội như sau:

- Dây hội 1: dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al (ngày 08/02/2023 dl), bà có tham gia 01 phần do mua lại của bà Trí, trong sổ hội ghi tên “Chị Trí” tại vị trí số 22 trong sổ hội. Hội khai đến lần thứ 18 vào ngày 18/6/2024 al thì bà L2 tuyên bố vỡ hội, lúc này hội chưa mãn còn lại 7 lần , 7 thành viên chưa hốt. Vì vậy, dây hội này bà L2 nợ tiền hội của bà đã đóng 17 lần là 34.000.000 đồng. (đơn khởi kiện ghi 18 lần số tiền là 36.000.000 đồng chưa chính xác là do tính nhầm). Dây hội này bà mua theo yêu cầu của chủ bà L2, do tin tưởng chủ hội nên không giáp mặt thỏa thuận với bà T.

- Dây hội thứ 2: hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, khởi khai ngày 16/06/2023 al (nhằm ngày 02/8/2023 dl), bà trực tiếp tham gia 02 phần với tên “7 P” trong sổ hội vị trí số 5 và 6. Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần thứ 11 thì ngày 18/6/2024 al (nhằm ngày 23/7/2024 dl) bà L2 tuyên bố úp hội nên dây hội này bà L2 còn nợ bà số tiền hội là 22.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình chơi hội, bà L2 có bán cho bà 2 phần hội có tên “6 H” trong sổ hội tại vị trí số 9 và 10 với số tiền là 33.000.000 đồng. Việc mua bán hội chỉ giữa bà với bà L2, không giáp mặt thỏa thuận với người khác.

Như vậy tổng số tiền hội bà L2 nợ bà là 89.000.000đ. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 trả cho bà số tiền hội còn nợ là 89.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bà P và bà L2 thống nhất và đồng ý số tiền hội còn nợ là 51.000.000 đồng và bà L2 đồng ý trả.

3. Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày ý kiến và yêu cầu:

Bà và bà L2 không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết cùng xóm. Bà có tham gia chơi hội do Lê làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội 1: hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 06/11/2022 al (nhằm ngày 06/12/2022 dl), bà tham gia 02 phần với tên “Út K” (tên thường gọi là Út K) tại vị trí số 07 và số 08 trong sổ hội. Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần khai thứ 20 vào ngày 08/6/2024 al (nhằm ngày 13/7/2024 dl) (ngày nhuận 02/02/2023 al tôi châu hội 02 lần), thì sau đó bà L2 tuyên bố vỡ hội không tiếp tục khai hội cho đến nay. Dây hội trên chưa mãn hội còn lại 01 lần. Vì vậy, dây hội này bà L2 còn nợ bà số tiền hội vốn đã đóng 20 lần, tổng cộng 40.000.000 đồng.

- Dây hội 2: hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al (nhằm ngày 18/02/2023 dl), tôi tham gia 01 phần với tên “Út K” vị trí số 6 trong sổ hội (tên thường gọi là Út K). Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần thứ 18 thì ngày 18/6/2024 al bà L2 tuyên bố úp hội, hội chưa mãn còn lại 07 lần. Nên bà đã châu hội là 17 lần (do lần 18 chưa châu) là 34.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà L2 trả cho bà tổng số tiền hội còn nợ là 74.000.000 đồng. Không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bà T đồng ý giảm bớt tiền lãi và huê hồng hội, chỉ yêu cầu trả lại số tiền vốn là 50.000.000đ, đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 24.000.000đ. Do đó bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng.

4. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày ý kiến:

Bà và bà L2 không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết do cư trú cùng xóm. Bà có tham gia chơi hội do bà L2 làm chủ hội, do L đã làm chủ hội được khoảng 02 năm, do thấy bà L2 có nghề góp chợ, có tài sản nên tin tưởng. Cụ thể là các dây hội như sau:

Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al (nhằm ngày 18/02/2023 dl), tôi tham gia 01 phần với tên “Chị Hoàng (Lan)” (tên thường gọi là Chị Hoàng Lan) tại vị trí số 15 trong số hội. Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần khai thứ 18 vào ngày 18/6/2024 al thì sau đó bà L2 tuyên bố úp không tiếp tục khai hội cho đến nay. Dây hội trên chưa mãn hội còn 07 thành viên. Vì vậy, dây hội này tôi đã châu được 17 lần nhưng không nhớ số tiền hội vốn tôi đã châu là bao nhiêu, nhưng theo thỏa thuận của dây hội thì số tiền vốn và tiền lời bà L2 còn nợ tôi 17 lần tổng cộng là 34.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khoảng 02 tháng sau thì L có trả cho bà số tiền hội 2.000.000 đồng và căn trừ tiền bà mua vải của bà L2 là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền mà bà L2 trả bà là 4.500.000 đồng. Như vậy, số tiền hội mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ bà là 29.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý giảm bớt tiền lãi và huê hồng hội, chỉ yêu cầu trả lại số tiền vốn là 20.000.000đ, đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 9.500.000đ. Do đó bà L chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 trả số tiền hội còn nợ là 20.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu gì thêm.

** Tại biên bản đối chất và tại các phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị L2 trình bày:*

Bà có làm chủ hội nhiều dây hội và thời gian bắt đầu làm chủ hội từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2023 thì vỡ hội. Việc bà làm chủ hội và nợ là của cá nhân bà, chồng bà không biết và không tham gia nên không liên quan. Quá trình bà tổ chức làm chủ hội, có nhiều hội viên tham gia góp hội và mua hội trong đó có các nguyên đơn trên là bà P, bà L1, bà L và bà T; cụ thể như sau:

1. Bà L1 có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội với các dây hội như bà L1 trình bày là:

+ Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 28/07/2022 al bà L1 tham gia 2 phần. Đến tháng 06/2023 al thì tôi tuyên bố vỡ hội. Đến đến ngày vỡ hội thì bà L1 đã châu hội được 11 lần/ 01 chân hội (tổng là 22 lần), tổng số hội sống đã châu là 16.440.000 đồng. Nhưng theo thỏa thuận tại dây hội có lãi nên tổng vốn và lãi tôi còn nợ là 22.000.000 đồng.

+ Dây hội 2: Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 30/08/2022 al (nhằm ngày 25/9/2024 dl), bà L1 tham gia 01 phần với tên “Út Đ” vị trí số 4 trong số hội (tên thường gọi là Út Đ). Đến tháng 06/2023 al thì tôi tuyên bố vỡ hội. Đến

ngày vỡ hụi thì bà L1 đã châu hụi được 10 lần, tổng số hụi vốn là 11.520.000 đồng. Nhưng theo thoả thuận dây hụi có lãi nên tổng vốn và lãi bà còn nợ là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà còn nợ bà L1 là 42.000.000 đồng. Bà L1 yêu cầu 56.500.000 đồng nên bà không đồng ý. Tuy nhiên, để không phải kiện tụng kéo dài mất thời gian đôi bên, nay bà L2 đồng ý trả cho bà L1 số tiền hụi 50.000.000 đồng.

2. Đối với bà P có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi với các dây hụi như bà P trình bày là:

Dây hụi 1: Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al (ngày 08/02/2023 dl), bà P mua 01 chân hụi. Lúc thoả thuận mua hụi thì không có nói mua phần hụi của ai, bà P giao tiền hụi cho bà trực tiếp nhận rồi bà sẽ chọn lựa phần hụi. Số tiền mua hụi là 34.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền hụi mới lựa chọn chân hụi của bà “N”, sau đó bà giao hụi cho bà Na và đã châu cho bà Na đầy đủ nên không liên quan đến bà N. Hàng tháng bà có trả lãi cho bà P (với hình thức là hụi khai lời bao nhiêu thì trả cho bà P bao nhiêu tiền lãi), tổng cộng đã trả bao nhiêu thì không nhớ. Việc trả lãi sau khi hụi khai, trả lãi cho bà P nhận không làm giấy tờ, do tin tưởng, nên không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Toà án.

- Dây hụi 2: Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, khởi khai ngày 16/06/2023 al (nhằm ngày 02/8/2023 dl), bà P không trực tiếp tham gia mà mua hụi Ông “6 Hà” trong sổ hụi tại vị trí số 09 và số 10. Bà P mua 01 chân hụi số tiền là 16.500.000 đồng bà P giao tiền cho bà trực tiếp nhận.

Việc bà P trình bày có tham gia trực tiếp 02 chân hụi tại dây hụi trên thì tôi không đồng ý. Lúc đầu có đưa sổ hụi cho bà P (trong sổ hụi có tên bà P) nhưng sau đó bà P nói không tham gia mà chỉ mua hụi. Sổ hụi của dây hụi 16/6/2023 al mà bà P cung cấp cho Toà án thì tôi thừa nhận là tôi có đưa cho bà P. Lý do bà P không trực tiếp tham gia nhưng trong sổ hụi vẫn có tên bà “7 p” tại 02 chân hụi trong sổ hụi là do khi đó đã đưa rồi nên không thu hồi mà vẫn phát cho các hụi viên khác. Việc bà P có mua 02 chân hụi từ ông “6 H” thì bà không thừa nhận, bà P chỉ mua 01 chân hụi do bà trực tiếp nhận 16.500.000 đồng. Tổng số tiền hụi bà còn nợ và đồng ý trả cho bà P là 51.000.000 đồng.

Theo tờ tường trình ngày 28/8/2025, bà có yêu cầu bà P khấu trừ tiền mua vải. nhưng sau khi được giải thích thì bà không yêu cầu trong vụ án này. Khi cần bà sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

3. Đối với bà T trực tiếp có tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi như sau:

- Dây hụi 1: Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 06/11/2022 al (nhằm ngày 06/12/2022 dl), bà T tham gia 02 phần với tên “Út K” (tên thường gọi là Út K) tại vị trí số 07 và số 08 trong sổ hụi. Tuy nhiên đến tháng 06/2023 al thì bà L2 vỡ hụi vì nhiều lý do. Lúc vỡ hụi thì tôi có thông báo cho từng người biết khi họ đến góp hụi. Tính đến ngày vỡ hụi thì bà T châu hụi sống cho tôi được 07 lần (14 lần/02 chân hụi), tổng 9.900.000 đồng, nhưng theo thoả thuận nên bà còn nợ tiền hụi và lãi là 14.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al (nhằm ngày 18/02/2023 dl), bà T tham gia 01 phần với tên “Út K” vị trí

số 6 trong số hội (tên thường gọi là Út K). Tuy nhiên đến tháng 06/2023 thì bà L2 vợ hội vì nhiều lý do. Lúc vỡ hội thì tôi có thông báo cho từng người biết khi họ đến họp hội. Tính đến ngày vỡ hội thì bà T châu hội sống cho bà được 05 lần, tổng số tiền hội sống là 6.790.000 đồng. Nhưng theo thỏa thuận đây hội thì tổng 05 lần là 10.000.000 đồng (tính cả vốn lẫn lãi hội). Tổng số tiền hội bà còn nợ và đồng ý trả cho bà T là 24.000.000 đồng.

4. Đối với bà L có chơi hội do bà làm chủ hội, đây hội là 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023 (nhằm ngày 18/02/2023 dl). Bà L tham gia 01 phần tên chị H (tên chồng bà L nhưng bà L là người trực tiếp chơi hội) tại vị trí số 15 trong số hội. Tuy nhiên đến tháng 06/2023 thì bà vỡ hội vì nhiều lý do. Lúc vỡ hội, bà có thông báo cho từng người biết khi họ đến góp hội. Tính đến khi vỡ hội thì bà L châu hội sống cho tôi được 05 lần. Châu hội gốc được 6.790.000 đồng. Nhưng theo thỏa thuận đây hội thì tổng 05 lần là 10.000.000 đồng. Trừ tiền bán vải tôi không nhớ cụ thể là bao nhiêu nhưng bà L trình là 2.500.000 đồng thì tôi đồng ý và có trả trước tiền hội 2.000.000 đồng nên nay tôi chỉ còn nợ bà L 5.500.000 đồng. nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền hội còn nợ là 6.000.000 đồng là dứt các khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bà L2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vắng mặt không có lý do, cho thấy bà L2 chấp hành chưa đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: bà Trần Thị L1, bà L2 Thị Phết, bà L và bà T vì còn trong phạm vi đơn khởi kiện theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn gồm: Trần Thị L1 số tiền 15.500.000đ (theo đơn khởi kiện là 65.500.000đ), bà L2 Thị Phết số tiền 38.000.000đ, (theo đơn khởi kiện là 89.000.000đ là tiền mua hội) và bà T là 24.000.000đ và bà L là 9.500.000đ do tại phiên tòa các nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà L2 trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

1. Bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L1 tổng số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền hội còn nợ là 51.000.000 đồng.

3. Bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm thanh toán dứt điểm cho bà số tiền hội còn nợ là 20.000.000 đồng

4. Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm thanh toán dứt điểm cho bà tổng số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L2 trả tiền hụi đã nộp, bị đơn cư trú tại ấp T, xã B, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L2 đã được Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà L2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L2.

Về tham gia tố tụng: các nguyên đơn xác định, đây là nợ tiền hụi, nợ cá nhân của bà L2 đối với các nguyên đơn, không liên quan đến những người khác; bị đơn xác định cá nhân tổ chức hụi, không liên quan ai khác và cũng không có ý kiến yêu cầu đối với ai khác nên việc xác định đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

- Bà *Trần Thị L1* có tham gia 02 dây hụi do bà L2 làm chủ, dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 28/07/2022 al. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 30/08/2022 al. Bà L1 đã châu hụi đầy đủ hàng tháng cho bà L2 đến khi bà L2 tuyên bố vỡ hụi thì tổng số tiền hụi mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ bà 65.500.000 đồng.

- Bà *Nguyễn Thị P* có tham gia dây hụi do bà L2 làm chủ, dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al, bà tham gia 01 phần; bà đã châu hụi đầy đủ hàng tháng cho bà L2 đến khi bà L2 tuyên bố vỡ hụi thì tổng số tiền hụi mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ 89.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà *Trần Thị L1* và *Nguyễn Thị P* và bà *Nguyễn Thị L2* đã thống nhất được số tiền nợ hụi và đồng ý trả như sau:

- Bà *Nguyễn Thị L2* có nghĩa vụ trả cho bà *Trần Thị L1* tổng số tiền hụi còn nợ là 50.000.000 đồng. Không tiếp tục tính lãi.

- Bà *Nguyễn Thị L2* có nghĩa vụ trả cho bà *Nguyễn Thị P* tổng số tiền hụi còn nợ là 51.000.000 đồng. Không tiếp tục tính lãi. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa hôn nay:

- Bà *Trần Thị Thanh T* có tham gia 02 dây hụi do bà L2 làm chủ với các dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 06/11/2022 al, bà T tham gia 02 phần; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023al, bà tham gia 01 phần. Bà đã châu hụi đầy đủ hàng tháng cho bà L2 đến khi bà L2 tuyên bố vỡ hụi thì tổng số tiền hụi mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ bà là 74.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T đồng ý giảm bớt tiền lãi và huê hồng hụi, chỉ yêu cầu trả lại số tiền vốn là 50.000.000đ, đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền

là 24.000.000đ. Do đó bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim L có tham gia 01 dây hội do bà L2 làm chủ với dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 18/01/2023 và bà tham gia 01 phần và đã châu được 17 lần thì bà L2 tuyên bố vỡ hội nên bà đã châu cho bà L2 đủ 17 lần là 34.000.000 đồng. Đến khoảng 02 tháng sau thì Lê có trả được số tiền hội 2.000.000 đồng và trừ tiền bà mua vải là 2.500.000 đồng. Tổng cộng bà L2 trả cho bà 4.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hội mà bà Nguyễn Thị L2 còn nợ bà là 29.500.000 đồng. Tuy nhiên bà L đồng ý giảm bớt tiền lãi và huê hồng hội, chỉ yêu cầu trả lại số tiền vốn là 20.000.000đ, đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 9.500.000đ. Do đó bà L chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 trả số tiền hội còn nợ là 20.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu gì thêm.

Về hình thức chơi hội, bà L2 không đưa phao hội không ký tên chủ hội nhưng có đưa sổ hội, ghi ngày khai hội, bao nhiêu thành viên tham gia, chỉ ghi tên thường gọi, biệt danh hội viên (không ghi rõ họ tên). Tại biên bản đối chất bà L2 thừa nhận các nguyên đơn (bà L1, bà P, bà T và bà L) đều có tham gia các dây hội do bà L2 làm chủ hội, loại hội, thời gian bắt đầu mở hội như các nguyên đơn đã trình bày là phù hợp.

Các nguyên đơn cho rằng bà L2 tuyên bố vỡ hội và ngưng khai hội là vào tháng 6 năm 2024, nhưng bà L2 không thừa nhận mà cho rằng thời gian bà vỡ ngưng hội là 6 năm 2023 (chênh lệch 12 tháng là tương đương 12 lần châu hội); về điều này các bên đều trình bày nhưng không ai đưa ra bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về thời gian vỡ hội ngưng hội của bà L2. Bên cạnh đó, việc bà L2 có làm chủ hội và có nhiều người tham gia hội viên, đến khi bà L2 bị vỡ hội thì địa phương có nghe thông tin và biết, nhưng việc giao dịch hội do các bên tham gia tự thỏa thuận với nhau, không ai yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải nên không rõ sự việc cụ thể.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả xác minh lời khai của những người làm chứng và chính quyền địa phương nơi bà L2 cư trú thể hiện: các dây hội nêu trên có sự tham gia của của các nguyên đơn, số lần châu hội, ngày khai hội, hình thức chơi hội và thời gian bà L2 tuyên bố vỡ hội ngày 28/6/2024 (khoảng tháng 6 năm 2024) đều phù hợp với lời khai của các nguyên đơn, lời khai của những người làm chứng, các hội viên khác và kết quả xác minh, xác nhận tên thường gọi của các nguyên đơn tại chính quyền địa phương trùng với tên ghi trong sổ hội mà các nguyên đơn cung cấp; Do đó, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở xem xét chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L1 và Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị L2 thống nhất được số tiền nợ hội và đồng ý trả nên ĐHXX ghi nhận sự tự thỏa thuận này theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L1 tổng số tiền hội còn nợ là 50.000.000 đồng. Không tiếp tục tính lãi.

- Bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền hội còn

nợ là 51.000.000 đồng. Không tiếp tục tính lãi. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay: bà T bà L thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà L2 về số tiền hui: bà T đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 24.000.000đ; bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 trả cho bà số tiền hui còn nợ là 50.000.000 đồng. Bà L đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 9.500.000đ, bà L chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L2 trả số tiền hui còn nợ là 20.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L1, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Trần Thị Thanh Thủy đối với bà Nguyễn Thị L2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L1 bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Trần Thị Thanh Thủy đối với bà Nguyễn Thị L2, về hợp đồng góp hui.

- Buộc bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L1 tổng số tiền hui còn nợ là 50.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền hui còn nợ là 51.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L2 trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền góp hui đã nộp 20.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L2 trả cho bà Trần Thị Thanh Thanh T số tiền góp hui đã nộp 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bà L2 không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L2 phải chịu án phí là 1.462.000 đồng.

- Bà L không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ theo biên lai thu số 0011699 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang).

- Bà P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.275.000đ theo biên lai thu số 0011428 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang).

- Bà T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000đ theo biên lai thu số 0011430 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang).

- Bà L1 không phải chịu án phí và đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định do là người cao tuổi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12 -An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền